

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,222,410,934,049	3,168,585,662,112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,269,366,198,085	996,468,970,858
1. Tiền	111		5,593,207,329	83,816,362,008
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,263,772,990,756	912,652,608,850
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113,847,755,396	31,963,776,778
1. Đầu tư ngắn hạn	121		123,630,035,396	41,887,856,778
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9,782,280,000)	(9,924,080,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		554,742,683,471	453,157,209,481
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	506,926,770,549	451,503,258,574
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6,725,914,326	7,628,118,003
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	50,206,743,286	6,463,265,606
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9,116,744,690)	(12,437,432,702)
IV. Hàng tồn kho	140		1,209,325,131,092	1,531,678,347,180
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1,214,508,634,330	1,588,430,261,119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5,183,503,238)	(56,751,913,939)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75,129,166,005	155,317,357,815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		144,621,577	31,925,538
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		73,542,394,224	151,666,114,244
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,442,150,204	3,619,318,033

Quý IV năm 2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,788,900,476,488	1,895,329,267,621
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		202,032,206,168	196,454,403,315
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	178,796,831,912	164,286,348,500
<i>Nguyên giá</i>	222		269,011,810,118	231,372,248,442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90,214,978,206)	(67,085,899,942)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,331,164,820	16,822,187,362
<i>Nguyên giá</i>	228		20,325,564,603	20,325,564,603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,994,399,783)	(3,503,377,241)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	6,904,209,436	15,345,867,453
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,586,521,342,692	1,693,660,541,944
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,577,452,589,162	1,533,491,788,414
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,180,000,000	2,180,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	7,000,000,000	207,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(111,246,470)	(49,011,246,470)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		346,927,628	5,214,322,362
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	189,243,826	658,164,707
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	156,469,833	-
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.15	1,213,969	4,556,157,655
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		5,011,311,410,537	5,063,914,929,733

Quý IV năm 2012

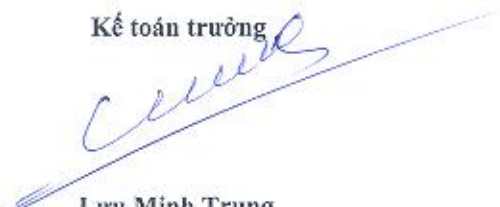
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,503,821,334,673	3,804,763,961,486
I. Nợ ngắn hạn	310		3,001,760,305,309	3,101,252,556,023
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	2,293,895,939,943	1,847,416,790,639
2. Phải trả người bán	312	V.17	561,540,870,531	1,152,414,911,142
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	6,411,973,205	7,584,888,515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	13,673,143,224	4,984,797,521
5. Phải trả người lao động	315	V.20	21,433,112,453	6,672,862,807
6. Chi phí phải trả	316	V.21	-	2,622,363,636
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	30,474,518,312	26,397,851,960
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		74,330,747,641	53,158,089,803
II. Nợ dài hạn	330		502,061,029,364	703,511,405,463
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	500,000,000,000	700,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	1,376,499,148
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2,061,029,364	2,134,906,315
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,507,490,075,864	1,259,150,968,247
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,507,490,075,864	1,259,150,968,247
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		177,876,869,236	177,876,869,236
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		42,568,431,702	33,947,754,291
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,769,908,805	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	573,274,866,121	347,326,344,720
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,011,311,410,537	5,063,914,929,733

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		124,566.15	1,244,562.07
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

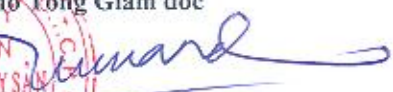
Kế toán trưởng


Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc




Lê Văn Điệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1,954,520,676,951	2,786,455,576,226	7,389,878,285,870	9,643,559,483,529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	6,079,383,639	2,506,410,470	21,896,806,164	32,345,811,470
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1,948,441,293,312	2,783,949,165,756	7,367,981,479,706	9,611,213,672,059
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1,826,730,742,003	2,634,879,714,846	6,811,938,438,779	9,149,228,238,553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121,710,551,309	149,069,450,910	556,043,040,927	461,985,433,506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	17,464,799,861	18,860,439,621	287,794,021,079	282,722,752,609
7. Chi phí tài chính	22	VL4	58,222,413,063	119,406,081,108	278,053,813,593	300,684,926,757
Trong đó: chi phí lãi vay	23		54,418,484,776	82,606,500,747	276,585,569,644	260,003,150,061
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	63,149,069,171	46,411,425,236	220,379,130,529	134,613,805,415
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	9,540,811,572	8,039,593,651	36,552,107,602	42,434,142,053
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,263,057,364	(5,927,209,464)	308,852,010,282	266,975,311,890
11. Thu nhập khác	31	VL7	1,122,986,313	16,709,244,212	3,184,992,042	26,415,995,585
12. Chi phí khác	32	VL8	4,345,762,622	10,107,364,252	4,532,156,212	21,721,345,143
13. Lợi nhuận khác	40		(3,222,776,309)	6,601,879,960	(1,347,164,170)	4,694,650,442
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		5,040,281,055	674,670,496	307,504,846,112	271,669,962,332
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	V.19	4,784,776,246	118,067,337	14,239,749,667	16,517,324,885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VL9			(1,532,968,981)	3,268,123,654
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		255,504,809	556,603,159	294,798,065,426	251,884,513,793
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số						
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ						
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VL.10	3.65	556,603,159	294,798,065,426	251,884,513,793
					4,211	3,598

Kế toán Trưởng

Lưu Minh Trung

Lê Văn Điệp

Cà Mau, ngày 15 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

CHỖ PHÂN PHỐI

CHỖ PHÂN PHỐI

CHỖ PHÂN PHỐI

CHỖ PHÂN PHỐI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Quý IV năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		307,504,846,112	271,669,962,332
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		24,089,021,687	18,820,030,632
- Các khoản dự phòng	03		(57,710,898,713)	94,714,304,464
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04			(3,091,068,040)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(449,492,096)	(4,719,288,786)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(277,086,672,705)	(248,481,788,644)
- Chi phí lãi vay	07		276,585,569,644	260,003,150,061
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		272,932,373,929	388,915,302,019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12,404,669,713)	144,656,640,238
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		373,921,626,789	(1,395,454,472,320)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(574,512,293,116)	1,026,352,879,560
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(277,687,168,413)	(245,904,017,345)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,771,345,326)	(20,191,209,343)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25,360,176,918)	(28,749,209,927)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(248,881,652,768)	(130,374,087,118)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.5	(29,197,903,659)	(116,519,575,024)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	24,387,228,062
3. Tiền chi cho vay, gửi kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(98,830,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,874,000,000	792,494,179
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(68,617,989,162)	(514,045,898,214)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		190,455,294,118	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		258,419,271,487	246,454,111,203
8. Tiền thu từ các khoản ký gửi, ký quỹ dài hạn	28		-	11,876,818,345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		275,102,672,784	(347,054,821,449)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV năm 2012 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm 2012	Năm 2011
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.8	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6,958,122,598,513	6,432,812,660,795
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6,711,162,517,225)	(5,561,330,436,096)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>246,960,081,288</u>	<u>871,482,224,699</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		273,181,101,304	394,053,316,132
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	V.1	996,468,970,858	602,559,957,732
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(283,874,077)	(114,303,006)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	<u>1,269,366,198,085</u>	<u>996,498,970,858</u>

Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 15 tháng 03 năm 2012

P. Tổng giám đốc



Lê Văn Diệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Quý IV năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần,
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại,
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và vật tư máy móc thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản, kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê,

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú là Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 2000393273 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp,

Cổ phiếu công ty được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh,

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm,

Báo cáo tài chính quý III năm 2012 được bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 8 của Công ty,

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND),

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung số 210/2009/TT-BTC về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Việc áp dụng thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính của công ty,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính,

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con,

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi,

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại,

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên,

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng,

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho,

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ,

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm,

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm,

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|---------------------------------|--------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
6. **Tài sản thuê hoạt động**
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê, Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê,
7. **Tài sản cố định vô hình**
Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,, Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 – 50 năm,
- Phần mềm máy tính**
Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng, Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm,
8. **Chi phí đi vay**
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh, Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa,

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó, Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể,
9. **Đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc,

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách, Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này,

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí,
10. **Chi phí phải trả**
Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm,
11. **Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty, Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ Tài chính, Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí,

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc,

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông,

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty,

13. Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn, Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm,

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế,

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại,

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm, Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ,

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này,

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu,

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm,

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm, Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau,

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm, Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó, Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm,

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày

01/01/2012 : 20.828 VND/USD

31/12/2012 : 20.838 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại,

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo, Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính,

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ,

17. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty, Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng,

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung,

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý,

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.676.537.477	5.025.855.141
Tiền gửi ngân hàng	3.916.669.852	78.790.506.867
Các khoản tương đương tiền ^(*)	1.263.772.990.756	912.652.608.850
Cộng	1.269.366.198.085	996,468,970,858

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	11.267.580.000	11.267.580.000
Quỹ tầm nhìn SSI ^(a)	5.786.178.618	-
Đầu tư ngắn hạn khác	106.576.276.778	30.620.276.778
- Tiền gửi tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm trở xuống ^(b)	98.830.000.000	22.874.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác ^(c)	7.746.276.778	7.746.276.778
Cộng	123.630.035.396	41.887.856.778

(a) Phần còn lại sau khi đã được thanh lý vào ngày 14 tháng 11 năm 2012 theo Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15 tháng 5 năm 2012.

(b) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống.

(c) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho công ty.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012**

Số dư đầu năm	9.924.080.000
Tăng dự phòng trong kỳ	46.661.800.000
Hoàn Dự phòng trong kỳ	(46.803.600.000)
Số dư cuối kỳ	9.782.280.000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	51.780.500.811	25.262.980.901
Khách hàng nước ngoài	455.146.269.738	426.240.277.673
Cộng	506.926.770.549	451.503.258.574

- Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn. Các khoản phải thu này được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước nhà cung cấp	6.411.973.205	7.584.888.515
Cộng	6.411.973.205	7.584.888.515

Khoản trả trước cho nhà cung cấp là khoản chi ứng trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	4.430.530.163	6.215.393.489
Phải thu từ công ty con	45.052.826.190	-
Phải thu khác của CBCNV	722.076.582	247.872.117
Phải thu khác	1.310.351	-
Cộng	50.206.743.286	6.463.265.606

Khoản phải thu từ công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả khi được yêu cầu

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9.116.744.690	12.437.432.702
Cộng	9.116.744.690	12.437.432.702

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	41.234.621.613	38.215.161.485
Công cụ, dụng cụ	1.458.229.827	3.201.785.701
Thành phẩm, hàng hóa	1.171.815.782.890	1.547.013.313.933
Cộng	1.214.508.634.330	1.588.430.261.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.183.503.238)	(56.751.913.939)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	1.209.325.131.092	1.531.678.347.180

Tất cả hàng tồn kho được dùng để thế chấp tại các ngân hàng thương mại để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	56.751.913.939
Tăng dự phòng trong kỳ	5.183.503.238
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(56.751.913.939)
Số dư cuối kỳ	5.183.503.238

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ. Chi tiết như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	31.925.538

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng trong kỳ	531.853.359
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(419.157.320)
Số dư cuối kỳ	144.621.577

Chi phí trả trước ngắn hạn gồm có : thiết bị văn phòng, công cụ và dụng cụ được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa 01 năm.

9. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	73.542.394.224	151.666.114.244
Cộng	73.542.394.224	151.666.114.244

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng.	747.691.000	1.244.166.000
Ký Quỹ	694.459.204	2.375.152.033
Cộng	1.442.150.204	3.619.318.033

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	61.942.849.397	140.411.881.434	24.106.445.177	4.911.072.434	231.372.248.442
Tăng trong kỳ					
Mua sắm mới	3.850.830.992	3.301.079.673	2.843.694.300	4.939.996.273	14.935.601.238
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.808.316.711	-	-	-	23.808.316.711
Giảm trong kỳ					
Thanh lý	-	-	1.104.356.273	-	1.104.356.273
Số cuối kỳ	89.601.997.100	143.712.961.107	25.845.783.204	9.851.068.707	269.011.810.118
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.729.241.154	20.310.820.065	117.454.893	2.664.323.156	31.821.839.268
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.961.361.329	40.706.392.551	4.787.396.915	3.630.749.147	67.085.899.942
Tăng trong kỳ					
Khấu hao trong kỳ	4.870.034.185	14.507.103.205	3.294.120.902	513.037.786	23.184.296.078
Giảm trong kỳ					
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	55.217.814	-	55.217.814
Số cuối kỳ	22.831.395.514	55.213.495.756	8.026.300.003	4.143.786.933	90.214.978.206

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	43.981.488.068	99.705.488.883	19.319.048.262	1.280.323.287	164.286.348.500
Số cuối kỳ	66.770.601.586	88.499.465.351	17.819.483.201	5.707.281.774	178.796.831.912
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.557.949.392	1.767.615.211	20.325.564.603
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>18.557.949.392</u>	<u>1.767.615.211</u>	<u>20.325.564.603</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.098.382.632	40.330.843	2.138.713.475
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.944.568.329	558.808.912	3.503.377.241
Khấu hao trong kỳ	264.923.306	226.923.306	491.022.542
Số cuối kỳ	<u>3.209.491.635</u>	<u>784.908.148</u>	<u>3.994.399.783</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>15.613.381.063</u>	<u>1.208.806.299</u>	<u>16.822.187.362</u>
Số cuối kỳ	<u>15.348.457.757</u>	<u>982.707.063</u>	<u>16.331.164.820</u>
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	15.345.867.453
Tăng trong kỳ	23.365.779.040
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(31.807.437.057)
Số dư cuối kỳ	6.904.209.436

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đã đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Mseafood Corporation	90.00%	90.00%	323.162.400.000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	97.50%	97.50%	585.000.000.000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	97.50%	97.50%	195.000.000.000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	95.00%	95.00%	95.000.000.000
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	99.10%	99.10%	148.650.000.000
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	98.50%	98.50%	29.550.000.000
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	100.00%	100.00%	4.500.000.000
Công ty TNHH ITV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	100.00%	100.00%	20.000.000.000
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An	100.00%	100.00%	150.000.000.000
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Hòa Điền	100.00%	9.53%	26.590.189.162
Cộng			1.577.452.589.162

15. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang ^(a)	2.180.000.000	2.180.000.000
Cộng	2.180.000.000	2.180.000.000

^(a) Công ty tham gia đầu tư vào công ty liên kết - Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang với vốn điều lệ là : 200.000.000.000 tỷ đồng. Trong đó Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú góp 40%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là :Thị công xây dựng cảng Container và hàng hóa vật tư, thi công xây dựng kho, cảng xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau ^(a)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000

^(a) Khoản đầu tư góp vốn 10% vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	(49.011.246.470)
Tăng dự phòng trong kỳ	
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	48.900.000.000
Số dư cuối kỳ	(111.246.470)

18. Tài sản dài hạn khác**a) Chi phí trả trước dài hạn**

Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012

Số dư đầu năm	658.164.707
Tăng trong kỳ	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(468.920.881)
Số dư cuối kỳ	189.243.826

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các loại: Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng chưa kết chuyển hết được phân bổ dần trong khoảng thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

b) Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

Xem thuyết minh số IV.14.

c) Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.213.969	4.556.157.655
Cộng	1.213.969	4.556.157.655

(*) Khoản tiền này phản ánh 10% tiền ký quỹ cho hợp đồng bảo lãnh thanh toán giá trị 2.200.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và được hưởng lãi suất 0,1% một năm. Theo điều khoản của hợp đồng công ty phải duy trì số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là 1.980.000 Đô la Mỹ như một khoản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá của Mseafod Corporation, một công ty con của Công ty ở Mỹ.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.293.895.939.943	1.847.416.790.639
Cộng	2.293.895.939.943	1.847.416.790.639

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay tại các Ngân Hàng thương mại như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.645.287.999.515	6.962.419.555.138	(6.513.811.614.710)	2.093.895.939.943
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Cà mau	1.215.600.525.137	5.307.192.028.555	(4.742.330.836.041)	1.780.461.717.651
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (VN)	-	213.031.685.178	(113.690.659.022)	99.341.026.156
Ngân hàng đầu tư & phát triển -Cà Mau	291.675.753.237	692.912.181.823	(984.587.935.060)	-
Ngân hàng phát triển – CN khu vực Minh Hải	107.227.118.389		(107.227.118.389)	-
Ngân hàng Sacombank – Cà Mau	-	252.222.229.738	(252.222.229.738)	-
Ngân hàng thương mại	30.784.602.752	497.061.429.844	(313.752.836.460)	214.093.196.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
cổ phần Ngoại thương - Cà mau				
Vay dài hạn đến hạn trả	202.128.791.124	200.000.000.000	(202.128.791.124)	200.000.000.000
Ngân hàng Sacombank – Cà Mau	2.128.791.124		(2.128.791.124)	-
Trái phiếu VIBANK	200.000.000.000		(200.000.000.000)	-
Trái phiếu Vietinbank		200.000.000.000		200.000.000.000
-Cộng	1.847.416.790.639	7.162.419.555.138	(6.715.940.405.834)	2.293.895.939.943

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	559.992.060.213	1.045.789.323.032
Nhà cung cấp nước ngoài	1.548.810.318	106.625.588.110
Cộng	561.540.870.531	1.152.414.911.142

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	1.433.548.514	1.070.949.850
Khách hàng nước ngoài	4.978.424.691	6.513.938.665
Cộng	6.411.973.205	7.584.888.515

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	107.910.537.144	(107.910.537.144)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.469.633.946	23.811.987.335	(15.343.582.994)	12.938.038.287
Thuế thu nhập cá nhân	515.163.575	3.061.963.138	(2.842.021.776)	735.104.937
Cộng	4.984.797.521	134.784.487.617	(126.096.141.914)	13.673.143.224

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Muối tinh chế	Không chịu thuế
Tôm nguyên liệu, tôm sơ chế, thức ăn nuôi tôm	5%
Thành phẩm tôm đã hấp chín	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	307.504.846.112
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Từ 1/1/2012 đến
31/12/2012**

doanh nghiệp:			
-	Các khoản điều chỉnh tăng		
-	Các khoản điều chỉnh giảm	226.134.848.015	
	Tổng thu nhập chịu thuế	81.369.998.097	
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		25%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	20.342.499.524	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	6.102.749.857	
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.239.749.667	
 Các loại thuế khác			
Công ty kê khai và nộp theo qui định.			
 23. Phải trả người lao động			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tiền lương cán bộ CNV	21.433.112.453	6.672.862.807
	Cộng	21.433.112.453	6.672.862.807
 24. Chi phí phải trả			
Phản ánh khoản chi phí phải trả cho nhà cung cấp, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng cơ bản.			
 25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
	Kinh phí công đoàn, BHXH	255.411.634	525.613.500
	Lãi vay phải trả	18.920.233.156	14.999.132.716
	Phải trả tiền hoa hồng môi giới xuất khẩu	392.099.083	392.099.083
	Phải trả phải nộp khác	906.774.439	481.006.661
	Cộng	30.474.518.312	26.397.851.960
 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
		Tăng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Quỹ khen thưởng	36.844.542.215	27.539.817.610
	Quỹ phúc lợi	16.313.547.588	-
	Cộng	53.158.089.803	27.539.817.610
		(5.562.953.038)	(804.206.734)
		(6.367.159.772)	74.330.747.641
 27. Vay và nợ dài hạn			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi (*)	500.000.000.000	700.000.000.000
	Cộng	500.000.000.000	700.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết khoản nợ dài hạn như sau :

Trái phiếu ghi sổ, không chuyển đổi kì hạn 03 năm, phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2011, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 03 năm 2014.

28. Thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.376.499.148
Cộng	-	1.376.499.148

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012

Số dư đầu năm	2.134.906.315
Trích lập trong kỳ	1.612.005.626
Số chi trong kỳ	(1.685.882.577)
Số dư cuối kỳ	2.061.029.364

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700.000.000.000	-	-	700.000.000.000
Thặng dư cổ phần	177.876.869.236	-	-	177.876.869.236
Chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	347.326.344.720	294.798.065.426	(68.849.544.025)	642.124.410.146
Quỹ đầu tư phát triển	33.947.754.291	28.142.496.438	(19.521.819.027)	42.568.431.702
Quỹ dự phòng tài chính		13.769.908.805		13.769.908.805
Tổng cộng	1.259.150.968.247	336.710.470.669	(88.371.363.052)	1.507.490.075.864

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Tổng doanh thu		
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm xuất khẩu	1.364.348.260.269	5.713.849.588.986
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm trong nước	590.172.416.682	1.676.028.696.884
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(6.079.383.639)	(21.896.806.164)
Doanh thu thuần	1.948.441.293.312	7.367.981.479.706
Trong đó:		
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm xuất khẩu	1.358.268.876.630	5.151.952.782.822
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm trong nước	590.172.416.682	1.676.028.696.884

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn thành phẩm, hàng hóa nguyên vật liệu đã cung cấp

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lãi tiền gửi	15.793.354.524	54.710.351.955
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.669.260.337	6.948.821.114
Cổ tức được chia	2.185.000	226.134.848.010
Cộng	17.646.799.861	287.794.021.079

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	54.418.484.776	276.585.569.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.581.023	216.735.590
Chi phí tài chính khác	3.744.347.264	1.251.508.359
Cộng	58.222.413.063	278.053.813.593

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí nhân viên	1.697.609.356	7.079.670.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.422.893.406	160.026.027.965
Chi phí khác	15.028.566.409	53.273.432.087
Cộng	63.149.069.171	220.379.130.529

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	3.760.059.612	16.016.375.163

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí đồ dùng văn phòng	381.098.254	1.407.829.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	630.604.327	2.600.670.586
Thuế, phí và lệ phí	76.389.362	338.431.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.295.562	2.740.281.595
Chi phí khác	4.276.364.455	13.448.519.176
Cộng	9.540.811.572	36.552.107.602

7. Thu nhập khác

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Tiền thuê nhà, điện nước	475.492.545	668.314.455
Hàng mẫu được thanh toán	29.680.992	656.482.703
Các khoản thu nhập khác	617.812.776	1.860.194.884
Cộng	1.122.986.313	3.184.992.042

8. Chi phí khác

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Các khoản chi phí khác	4.345.762.622	4.532.156.212
Cộng	4.345.762.622	4.532.156.212

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	881.904.843.306	4.730.930.384.664
Chi phí nhân công	71.661.264.340	312.935.829.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.809.850.672	23.892.549.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.902.993.581	221.336.996.288
Chi phí khác	23.442.296.664	161.549.373.900
Cộng	1.046.721.248.563	5.450.645.133.343

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Mseafood Corporation	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Công ty con
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế Công ty con	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
phẩm sinh học Minh Phú	
Công ty cổ phần đầu tư Long Phụng	Công ty liên quan có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang	Công ty liên quan có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Công ty con	
Lộc An	

Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Công ty con
Hòa Điền

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

(a) Hoạt động bán hàng*Từ 1/10/2012 đến 31/12/2012*

Mseafood Corporation	
Tôm thành phẩm	322.764.627.722
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	
Tôm thành phẩm và dịch vụ	368.774.629.935
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	
Tôm thành phẩm	46.206.690.459
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	
Bán thức ăn nuôi tôm	2.590.070.000
Dịch vụ	-
Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	
Bán thức ăn nuôi tôm	157.830.100
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú -Hậu Giang	
Bán tôm thành phẩm và vật liệu	152.963.513.060
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Lộc An	
Bán thức ăn nuôi tôm	4.655.564.000
Dịch vụ	-
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền	
Bán thức ăn nuôi tôm	358.670.000
Tổng cộng	898.471.595.276

(b) Hoạt động mua hàng*Từ 1/10/2012 đến 31/12/2012*

Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	
Tôm thành phẩm, thuê tài sản, dịch vụ	7.310.997.774
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	
Tôm thành phẩm, thuê tài sản, dịch vụ	6.240.711.210
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú -Hậu Giang	
Tôm thành phẩm, vật liệu	438.838.800.951
Tổng cộng	452.390.509.935

Kết thúc kỳ báo cáo, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(a) Công nợ Phải thu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mseafood Corporation		
Phải thu tiền bán hàng	179.605.045.437	127.196.289.828
Công ty TNHH 1 TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú		
Phải thu tiền bán hàng	16.667.612.249	5.462.198.185
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Phải thu tiền bán hàng	17.077.655.200	6.542.304.000
Phải thu do góp vốn thừa	21.639.788.414	-
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang		
Phải thu tiền bán hàng	7.070.985.600	-
Phải thu tiền cổ tức năm 2011	23.413.037.776	-
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền		
Phải thu tiền bán hàng	476.464.938	-
Cộng nợ phải thu	265.950.589.614	139.200.792.013

(b) Công nợ phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý		
Phải trả do mua hàng	170.213.575.494	439.224.454.933
Ứng trước tiền hàng		-
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát		
Phải trả do mua hàng	25.740.519.335	147.199.667.962
Ứng trước tiền hàng		-
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang		
Phải trả do mua hàng	-	88.448.048.496
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang		
Phải trả do mua hàng	287.798.314.474	302.835.060.573
Ứng trước tiền hàng		-
Công ty TNHH 1 TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú		
Ứng trước tiền hàng	-	2.955.783.423
Cộng nợ phải trả	483.752.409.303	980.663.015.387

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 15 tháng 03 năm 2013



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
P.Tổng Giám đốc